

Bản án số 11/2026/DS-ST  
Ngày 27 – 3 – 2026  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Chu Thị Xuyên.

Ông Trần Lê Anh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Tiến Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 196/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2026/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số H L, phường Đ, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn N, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

2. Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, quận C, Hà Nội. Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Võ Đình Q, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm D (Đ), xã B, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, B tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Nguyên đơn trình bày:*

Anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V

(sau đây viết tắt là V1) theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng sau:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: LN2111204742331 ngày 24/11/2021 (gọi tắt là LD2233501556): Số tiền vay: 210,000,000 đồng, Số tiền giải ngân: 160.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn lưu động theo hạn mức kinh doanh nhà hàng. Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: LD2331201017 ngày 08/11/2023: Số tiền vay gốc ban đầu: 56,000,000 đồng; Thời hạn vay: Từ ngày giải ngân đến 16/10/2026; Mục đích sử dụng vốn: phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 29/6/2024, V1 đã bán một phần khoản nợ (cụ thể bán cho Công ty cổ phần M 90% và bên phía Ngân hàng TMCP V còn giữ lại 10%) của anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 cho Công ty M theo các Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và các phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty M thì V1 đồng ý bán 90% các khoản vay và J đồng ý mua 90% các khoản vay của khách hàng anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cho vay mà anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 đã ký kết với V1. Theo đó V1 đã chuyển một phần quyền sở hữu, quyền, quyền lợi, lợi ích của V1 đối với khoản nợ này cho J, J được thừa kế một phần quyền, nghĩa vụ của V1 tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ.

Tạm tính đến ngày 27/3/2026, anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 đã thanh toán số tiền của hợp đồng LN2111204742331 ngày 24/11/2021 (gọi tắt là LD2233501556) là: Trả gốc: 113,900,000 đồng; Trả lãi: 35,642,230 đồng. Tổng cộng: 149,542,230 đồng. Đối với Hợp đồng LD2331201017 chưa trả được khoản nào.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/3/2026, anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 còn phải thanh toán tổng số tiền là: 185.569.614 đồng (trong đó nợ gốc: 102,100,000 đồng; nợ lãi 83.469.614 đồng).

Vì vậy, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung như sau:

Buộc anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M và V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2026 là: 185,569,614 đồng (trong đó nợ gốc 102.100.000 đồng; nợ lãi 83.469.614 đồng), cụ thể: Buộc anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền: 167,012,653 đồng (trong đó, nợ gốc: 91,890,000 đồng, nợ lãi 75.122.653 đồng. Buộc anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 phải thanh toán cho V1 tổng

số tiền: 18,556,961 đồng (trong đó, nợ gốc: 10,210,000 đồng, nợ lãi 8.346.961 đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M và V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

\* *Về phía Bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 292; Điều 295; Điều 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M, buộc bị đơn là anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, bao gồm tiền nợ gốc, nợ lãi.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 có nơi đăng ký thường trú tại xã B, tỉnh Nghệ An trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về sự vắng mặt của Bị đơn: Trong đơn khởi kiện, Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của Bị đơn, Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bị đơn nhưng bị đơn đều vắng

mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 có ký hợp 02 đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số LN2111204742331 ngày 24/11/2021 (gọi tắt là LD2233501556), số tiền vay: 210,000,000 đồng, số tiền giải ngân: 160.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LD2331201017 ngày 08/11/2023; số tiền vay gốc ban đầu: 56,000,000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 149.542.230 đồng. Tính đến ngày 27/3/2026, anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 185.569.614 đồng (trong đó nợ gốc 102.100.000 đồng; nợ lãi 83.469.614 đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng số LN2111204742331 ngày 24/11/2021 (gọi tắt là LD2233501556) và Hợp đồng tín dụng số LD2331201017 ngày 08/11/2023 được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 463 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng kỳ hạn đã cam kết. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 27/3/2026 là 185.569.614 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi khách hàng trả hết nợ theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 116; Điều 463; 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Buộc anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền: 167,012,653 đồng (trong đó, nợ gốc: 91,890,000 đồng; nợ lãi

75.122.653 đồng); phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền: 18,556,961 đồng (trong đó, nợ gốc: 10,210,000 đồng, nợ lãi 8.346.961 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Võ Đình Q và chị Nguyễn Thị N1 phải chịu 9.278.480 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 420.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002141 ngày 31/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh N.

- Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 3.790.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002139 ngày 31/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh N.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Đình Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Nghệ An;
- CQTHADS tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Mạnh**